

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

Số: 452/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 14 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Xử lý khẩn cấp sự cố lún, nứt bề xả
trạm bơm Văn Thai A, huyện Lương Tài

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Luật: Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 11/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 ban hành Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; số 11/2024/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; số 06/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo thẩm định số 03/SNN-QLĐTXD ngày 11/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Xử lý khẩn cấp sự cố lún, nứt bể xả trạm bơm Văn Thai A, huyện Lương Tài với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xử lý khẩn cấp sự cố lún, nứt bể xả trạm bơm Văn Thai A, huyện Lương Tài.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Quang Minh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

4. Đơn vị giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình: Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Đuống.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát và lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh.

6. Nhóm dự án, phân loại và phân cấp công trình:

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT, công trình thủy lợi.

- Cấp công trình: Cấp III.

6. Mục tiêu đầu tư:

Do ảnh hưởng của cơn bão số 3 (YAGI), nước sông Thái Bình lên cao trên mức báo động số 3, tại khu vực bể xả trạm bơm Văn Thai A xuất hiện sự cố lún, nứt, rò rỉ qua khớp nối tường và đáy bể xả trạm bơm Văn Thai A và gây lún, sụt đáy bể xả, nền nhà trung gian và làm hư hỏng các thiết bị điện khiến trạm bơm không thể hoạt động được. Trạm bơm Văn Thai A là trạm bơm tiêu lớn có nhiệm vụ tiêu nước cho phần lớn diện tích đất tự nhiên huyện Lương Tài và các địa phương lân cận của tỉnh Hải Dương, do hư hỏng tường bể xả nên hiện nay trạm bơm không thể hoạt động được. Do đó, để đảm bảo công trình kịp thời đưa vào phục vụ chống lũ năm 2025 và lâu dài thì việc xây dựng công trình khẩn cấp là hết sức cần thiết.

7. Quy mô đầu tư xây dựng

7.1. Quy mô xây dựng: Phá dỡ bể xả, kênh xả, gian điện điều khiển (nhà trung gian) và tháo dỡ hệ thống dây, tủ điện cũ. Xây dựng mới bể xả, kênh dẫn xả, gian điện điều khiển (nhà trung gian), đường phục vụ quản lý vận hành và lắp đặt mới hệ thống điện điều khiển, giám sát cùng các thiết bị đồng bộ đi kèm.

7.2. Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

a. Bể xả:

- Cao trình đáy: $(+ 0.50) \div (+1.85)$.

- Chiều rộng: 25,80 m.

- Chiều dài bể xả: 27,50 m.
- + Giếng tiêu năng: 18,50m.
- + Đoạn thu hẹp: 9,0m.
- Cao trình đỉnh tường: +6.70.
- Chiều cao chống tràn: 0,45m.

b. Kênh dẫn xả:

- Cao trình đáy: +1.85.
- Cao trình đỉnh bờ kênh: +6.70.
- Chiều cao chống tràn: 0,45m.
- Chiều rộng đỉnh bờ kênh: 2,50m.
- Chiều rộng đáy kênh chữ nhật: 8,60m.
- Chiều cao tường kênh chữ nhật: 2,60m.
- Cao trình đỉnh kênh chữ nhật: +4.45.
- Hệ số mái trong kênh hình thang: $m=2,0$.
- Cơ kết nối mái chữ nhật và hình thang: $B=2,0m$.
- Hệ số mái ngoài kênh hình thang: $m=1,75$.

c. Gian điện điều khiển (nhà trung gian)

- Kích thước tim: $B \times L \times H = (4,50 \times 16,80 \times 3,50)m$.
- Cao trình nền: +3.60.

d. Đường phục vụ quản lý vận hành:

- Chiều dài sơ bộ: 130,0m.
- Cao trình mặt: +7.62 ÷ +3.0.
- Chiều rộng mặt đường: $B=3,50m$.

8. Nội dung xây dựng và giải pháp thiết kế

a. Bể xả:

- Kết cấu BTCT M250. Bản đáy dày từ (0,70÷1,20)m trên lớp bê tông lót M100, dày 10cm. Tường bể cao 6,20m, dày 0,70m, phía ngoài bố trí tường bản chống dày 0,50m. Tường chống tràn cao 0,45m, dày 0,25m. Thành bể lắp đặt lan can thép Inox cao 0,70m. Bản đáy và tường bố trí khớp nối đồng khe lún.

- Đoạn nối tiếp bể xả với kênh xả BTCT M250, bản đáy dày từ (0,70÷1,20)m trên lớp bê tông lót M100, dày 10cm, chiều cao tường (2,60÷6,20)m, dày 0,70m.

- Xử lý nền bằng cọc BTCT M250, tiết diện (0,25x0,25)m.



b. Kênh xả

- Phần kênh chữ nhật từ cao trình (+1.85) ÷ (+4.45): Kết cấu BTCT M250, chiều dày bản đáy từ (0,55÷1,05)cm trên lớp bê tông lót M100, dày 10cm. Chiều cao tường 2,60m, dày 0,50m. Nền gia cố cọc BTCT M250, tiết diện (0,25x0,25)m.

- Phần kênh hình thang từ cao trình (+4.45) ÷ (+6.70): Đáy cơ và mái bằng BTCT M250, dày 15cm trên lớp vữa lót M50 dày 5cm. Tường gia cường BTCT M250 cao 0,45m, dày 0,25m. Mặt bờ kênh đổ bê tông M250, dày 15cm. Mái ngoài kênh BTCT M250, dày 12cm trên lớp vữa lót M50 dày 5cm. Đất đắp kênh đảm bảo hệ số $K \geq 0,95$.

- Mái kênh xây dựng bậc lên xuống, mái ngoài bố trí rãnh thoát nước, tiết diện $B \times H = (0,30 \times 0,30)m$.

c. Gian điện điều khiển (nhà trung gian)

- Kết cấu khung, cột chịu lực BTCT M250, kích thước tim $B \times L \times H = (4,50 \times 16,80 \times 3,60)m$. Móng nhà dạng đài BTCT M250, kích thước $B \times L = (1,40 \times 1,40)m$ trên nền cọc gia cố BTCT, tiết diện (0,25x0,25)m. Cột chịu lực tiết diện $B \times H = (0,22 \times 0,22)m$, tường bao gạch xây không nung M100, VXM M75 dày 0,22m. Trần nhà BTCT M250, dày 10cm được chống nóng bằng tôn sóng dày 0,42mm. Trát tường, trần vữa XM75#, dày 1,5cm và sơn 3 lớp. Nền nhà lát gạch Granit trên nền bê tông M200, dày 10cm và lớp cát đen đảm bảo hệ số $K \geq 0,95$.

- Lắp đặt hệ thống cửa, điện chiếu sáng và các thiết bị đồng bộ đi kèm.

- Bố trí rãnh cáp chính và rãnh phụ lắp đặt dây cáp, mặt rãnh cáp chính có bố trí tấm đan BTCT M250, dày 5cm.

- Lắp đặt thay mới hệ thống tủ điện điều khiển, vỏ tủ INOX 304. Di chuyển hệ thống tủ điều khiển trong nhà máy;

- Lắp đặt gồm: Tủ đầu vào + phân phối, tủ tự dùng, tủ bù + tủ điều khiển, bàn điều khiển trung tâm và hệ thống giám sát đồng bộ. Tận dụng lại tủ điều khiển + tủ tụ bù và các thiết bị đồng bộ trong tủ máy số 3 và 6 tại nhà máy; tận dụng lại 02 áp tô mát tổng 2000A lộ máy biến áp T2, T3 tại tủ đầu vào nhà trung gian và 01 áp tô mát phụ tải 1000 A máy số 3 tại tủ phân phối nhà trung gian.

- Thay mới toàn bộ cáp lực, cáp điều khiển, làm mới hệ thống tiếp địa an toàn và hệ thống Camera giám sát bảo vệ.

d. Đường phục vụ quản lý vận hành

Cao trình mặt đường từ (+7.62) ÷ (+3.0), kết cấu mặt đường BTM250#, dày 25cm trên lớp nilong tái sinh và CPĐD loại 2 dày 15cm. Bề rộng mặt đường cứng hóa rộng 3,5m. Cứ 5m cắt khe co, giãn đổ nhựa đường.

9. Tổng mức đầu tư xây dựng: **30.000.000.000 đồng** (Ba mươi tỷ đồng).

Trong đó:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị (đồng)
1	Chi phí xây dựng	19.367.269.513
2	Chi phí thiết bị	4.421.130.050
2	Chi phí quản lý dự án	484.404.061
3	Chi phí tư vấn ĐTXD	2.756.964.980
4	Chi phí khác	242.958.965
5	Chi phí dự phòng	2.727.272.757
Tổng cộng (làm tròn)		30.000.000.000

10. Thời gian thực hiện dự án: Xong trước 30/6/2025.

11. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn dự phòng ngân sách của tỉnh.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo điều 27 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

13. Các nội dung khác:

- Phương án giải phóng mặt bằng: Dự án không phải thực hiện GPMB.

- Các nội dung khác theo báo cáo thẩm định số 03/SNN-QLĐTXD ngày 11/3/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Phân chia gói thầu: Theo tình hình thực tế mà Chủ đầu tư phân chia gói thầu cho phù hợp.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Áp dụng khoản 1 Điều 23 Luật đấu thầu và Văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính).

- Đơn vị được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình quản lý thực hiện dự án theo đúng quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Đuống và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /*u*

Nơi nhận: *u*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- VP UBND tỉnh: PVP NN;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Xuân Lợi